Bài viết 1: chính tả - tập viết

(2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Mức độ, yêu cầu cần đạt

- Nghe - viết đúng bài Mèo con (50 chữ). Qua bài chính tả, củng cố cách trình bày bài thơ 4 chữ.

- Làm đúng bài tập lựa chọn: Điền chữ l, n; điền dấu hỏi, dấu ngã.

- Biết viết chữ P viết hoa cỡ vừa và nhỏ. Biết viết câu ứng dụng Phố phường tấp nập, đông vui cỡ nhỏ, chữ viết đúng mẫu, đều nét, biết nối nét chữ.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Biết cùng các bạn thảo luận nhóm; hợp tác tìm hiểu bài.

- Năng lực riêng: Có ý thức thẩm mĩ khi trình bày văn bản.

3. Phẩm chất

- Rèn luyện sự kiên nhẫn, cẩn thận.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Máy tính, máy chiếu để chiếu.

- Phần mềm hướng dẫn viêt chữ hoa.

- Mẫu chữ P viết hoa đặt trong khung chữ. Bảng phụ viết câu ứng dụng trên dòng kẻ ô li.

2. Đối với học sinh

- SHS.

- Vở Luyện viết 2, tập hai.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẬY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH

I. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.

b. Cách thức tiến hành:

- GV nhắc lại một số điểm cần lưu ý về yêu cầu của tiết luyện viết chính tả, viềt chữ, việc chuẩn bị đồ dùng cho tiết học (vở, bút, bảng,...) nhằm củng cố nền nếp học tập cho các em.

- GV nhắc nhở HS cần kiên nhẫn, cẩn thận khi làm bài tập.

II. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nghe – viết (Bài tập 1)

a. Mục tiêu: HS nghe - viết đúng bài Mèo con (50 chữ). Qua bài chính tả, củng cố cách trình bày bài thơ 4 chữ.

b. Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị:

+ GV nêu yêu cầu của bài tập: Nghe thầy (cô) đọc, viết lại bài thơ Mèo con (thơ 4 chữ).

+ GV đọc mẫu 1 lần bài thơ.

+ GV mời 1 HS đứng dậy đọc lại bài thơ.

+ GV hướng dẫn HS hiểu về bài thơ: Bài thơ kể chuyện một chú mèo con rất ngộ nghĩnh, đáng yêu: Một buối trưa, chú mèo con tự rình bắt cái đuôi của mình, vồ phải, vồ trái, đuôi chạy vòng quanh, mèo không bắt được đuôi. Cuối cùng, mệt quá, nó ôm đuôi ngủ khì.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Về hình thức, bài thơ có bao nhiêu dòng?. Mỗi dòng có mấy chữ?. Chữ đầu mỗi dòng thơ viết như thế nào? Nên viết mỗi dòng từ ô nào trong vở?

+ GV hướng dẫn HS đọc thầm lại bài thơ, chú ý nhũng từ ngữ mình dễ viết sai: rình bắt, đuôi, vòng quanh, vẫy chờn vờn, tất bật, ngủ khì,...

- GV đọc chậm từng dòng thơ (mỗi dòng 2 hoặc 3 lần) cho HS viết vào vở Luyện viết 2.

+ GV Đọc cả bài lần cuối cho HS soát lại.

- GV hướng dẫn HS tự chữa lỗi, gạch chân từ ngữ viết sai, viết lại bằng bút chì từ ngữ đúng.

- GV đánh giá, chữa 5-7 bài. Nhận xét bài về nội dung, chữ viết, cách trình bày.

Hoạt động 2: Điền chữ l hay n; dấu hỏi hay dấu ngã vào câu đố (Bài tập 2)

a. Mục tiêu: HS điền được chữ l hay n; dấu hỏi hay dấu ngã vào câu đố; giải đố.

b. Cách tiến hành:

- GV nêu yêu cầu của bài tập:

a. Chữ l hay n:

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở Luyện viết 2: điền vào chồ trống chữ l hay n hoặc bổ sung dấu hỏi hay dấu ngã trên chữ in đậm để hoàn chỉnh các câu đố, giải đố.

- GV viết nội dung bài tập lên bảng, mời 2 HS lên bảng làm bài, đọc lại các khổ thơ đã điền chữ, dấu thanh hoàn chỉnh. Nói lời giải câu đố.

- GV giải thích thêm cho HS: Con voi có vòi là cái mũi rất dài, có thể dùng để cuốn đồ vật, cây cối, hút nước và cũng dùng làm vũ khí tự vệ.

- GV yêu cầu cả lớp đọc lại khổ thơ đã điền chữ hoặc dấu thanh hoàn chỉnh.

Hoạt động 3: Chọn tiếng phù hợp trong ngoặc đơn (Bài tập 3)

a. Mục tiêu: HS chọn tiếng phù hợp trong ngoặc đơn để điền vào ô trống.

b. Cách tiến hành:

- GV nêu yêu cầu của bài tập: Chọn tiếng trong ngoặc đơn phù hợp với ô trống:

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở Luyện viết 2: Chọn tiếng trong ngoặc đơn phù hợp với ô trống.

- GV viết nội dung bài tập lên bảng, mời 2 HS lên bảng làm bài, đọc lại các từ ngữ sau khi đã điền.

Hoạt động 4: Viết chữ P hoa (Bài tập 4)

a. Mục tiêu: HS nghe hướng dẫn quy trình viết chữ P hoa và viết chữ P hoa vào vở Luyện viết.

b. Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS quan sát và nhận xét

+ GV chỉ chữ mẫu trong khung chữ, hỏi HS: Chữ P hoa cao mấy li, có mấy ĐKN?

+ GV chỉ chữ mẫu, miêu tả:

• Nét 1: Móc ngược trái, phía trên hơi lượn, đầu móc cong vào phía trong (giống nét 1 ở chữ hoa B).

• Nét 2: Cong trên (hai đầu nét lượn vào trong không đều nhau ).

+ GV chỉ dẫn HS viết:

• Nét 1: Đặt bút trên ĐK 6, hơi lượn bút sang trái để viết nét móc ngược trái (đầu móc cong vào phía trong); dừng bút trên ĐK 2.

• Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên ĐK 5 (bên trái nét móc) viết tiếp nét cong trên, cuối nét lưọn vào trong; dừng bút gần ĐK 5.

• Chú ý: Độ cong ở hai đầu của nét cong trên không đều nhau, phần cong bên trái rộng hơn phần cong bên phải.

- GV viết mẫu chữ P hoa cỡ vừa (5 li) trên bảng lớp.

- GV yêu cầu HS viết chữ P hoa trong vở Luyện viết 2.

- GV hướng dẫn HS viết câu ứng dụng Phố phường tấp nập: Độ cao của các chữ cái: Chữ P hoa (cỡ nhỏ), các chữ h, g cao 2.5 li. Chữ p, đ 2 li. Chữ t cao 1.5 li. Nhũng chữ còn lại (ô, ư, ơ, â,...) cao 1 li; Cách đặt dấu thanh: Dấu sắc đặt trên ô; dấu huyền đặt trên ơ...

- GV yêu cầu HS viết câu ứng dụng trong vở Luyện viết 2.

- GV đánh giá nhanh 5-7 bài, nêu nhận xét, rút kinh nghiệm cho HS.

III. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

- GV nhận xét tiết học, nhắc nhở chưa viết xong bài trên lớp về nhà viết tiếp, viết phần bài ở nhà.

- HS lắng nghe, kiểm tra đồ lại đồ dùng học tập của mình.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe, đọc thầm theo.

- HS đọc bài; HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS trả lời: Bài thơ có 12 dòng. Mỗi dòng có 4 chữ. Chữ đầu mỗi dòng thơ viết hoa. Nên viết mỗi dòng từ ô lùi vào 3 ô tính từ lề vở.

- S lắng nghe, tiếp thu.

- HS viết bài.

- HS soát bài.

- HS tự chữa bài.

- HS lắng nghe, tiếp thu và tự chữa lại bài của mình.

- HS lắng nghe, đọc yêu cầu bài tập.

- HS lắng nghe, thực hiện.

- HS lên bảng làm bài:

+ là, Nào, lại, lim, lùng, Giải câu đố: chim cú mèo.

+ mũi thõng, dẻo, chẳng. Giải câu đố: con voi.

- HS đọc bài.

- HS lắng nghe, đọc bài.

- HS làm bài.

- HS trình bày:

a. lặng lẽ, nặng nề, lo lắng, no đủ

b. vẽ tranh, vẻ mặt, cửa mở, mỡ gà.

- HS trả lời: Chữ P hoa cao 5 li, có 6 ĐKN.

- HS quan sát, tiếp thu.

- HS quan sát, tiếp thu.

- HS quan sát trên bảng lớp.

- HS viết bài.

- HS lắng nghe, quan sát và tiếp thu.

- HS viết câu ứng dụng vào vở.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS lắng nghe, thực hiện.